

Thiết kế biện pháp dạy học chuyên đề Ngữ văn 10 (Chương trình Ngữ văn 2018) theo quan điểm dạy học khám phá

Vũ Minh Đức*, Trần Nguyễn Gia Huy*, Phạm Hiếu Nhiên*, Bùi Khắc Dư*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Received: 10/06/2024; Accepted: 18/06/2024; Published: 02/07/2024

Abstract: Based on the theory of the inquiry-based learning, the lesson objectives and contents, and the requirements stated in the 2018 Literature Curriculum, this paper proposes teaching methods following the inquiry-based learning approach to support teachers in improving the effectiveness of teaching Grade 10 Literature. First, the paper outlines the rationale for proposing teaching methods based on the characteristics of inquiry-based learning and the 2018 Literature Curriculum, as well as the current situation of teaching Grade 10 Literature Topics. Subsequently, the paper proposes teaching methods following the inquiry-based learning approach for Topic 10.3 “Reading, writing, and introducing a poetry collection, a short story collection, or a novel”.

Keywords: Teaching methods, inquiry-based learning, grade 10 literature, 2018 Literature Curriculum

1. Giới thiệu

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018) đặt ra yêu cầu giáo viên (GV) cần vận dụng những quan điểm, kỹ thuật, phương pháp dạy học (PPDH) tích cực nhằm đáp ứng định hướng phát triển năng lực cho học sinh (HS). Tuy nhiên, việc lựa chọn các PPDH, đặc biệt đối với dạy học chuyên đề như thế nào cho phù hợp là vấn đề còn nhiều băn khoăn đối với GV. Trong quá trình tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy quan điểm DHKP phù hợp với tinh thần đổi mới giáo dục theo định hướng CT GDPT 2018. DHKP với bản chất tập trung vào sự hướng dẫn, định hướng của GV, người học tham gia vào quá trình khám phá thông qua việc tìm hiểu, thực nghiệm, và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề cụ thể. Sau quy trình khám phá, HS sẽ được củng cố các kiến thức đã học và học được cách giải quyết vấn đề một cách có hệ thống, từ đó bổ sung và nâng cao được các năng lực cần thiết cho thời đại mới.

Với ý nghĩa đó, bài viết này đề xuất biện pháp dạy học theo quan điểm DHKP để hỗ trợ giáo viên nâng cao hiệu quả giảng dạy Chuyên đề Ngữ văn 10.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở đề xuất

2.1.1. Căn cứ từ lý thuyết quan điểm dạy học khám phá

a) Hình thức của dạy học khám phá

Nguồn gốc của các hình thức tổ chức dạy học khám phá được kết hợp từ những lý thuyết khác nhau. Je-

rome S. Bruner (1915–2016) đã xây dựng lý thuyết giàn giáo (scaffolding) dựa trên vùng phát triển gần (zone of proximal development) của Lev S. Vygotsky (1896–1934). Lý thuyết này cho rằng quá trình học tập học tập của HS cần đi từ những nội dung vừa sức giống như con người bước lên từng bậc cầu thang nên xây bậc sao cho phù hợp. Từ lý thuyết giàn giáo của Lev S. Vygotsky, các nhà giáo dục học hiện đại đưa ra một khái niệm về đường phát triển NL. Trong quá trình nghiên cứu Bruner đã nhận ra việc HS có thể các hoạt động nghiên cứu và khám phá theo từng bước. Trong quá trình này có thể xuất hiện khám phá quy nạp, dự án mới... Từ đây Jerome S. Bruner đã cho ra đời thuyết kiến tạo (constructivism) dựa trên hai nền tảng: tư duy phê phán (critical thinking) và học tập dựa trên trải nghiệm. Dựa trên thuyết kiến tạo, Jerome S. Bruner đã đưa ra 5 dạng khám phá. Các hình thức này sắp xếp theo các mức độ khám phá từ thấp đến cao nhất như sau: (1) Khám phá quy nạp \Rightarrow (2) Khám phá diễn dịch \Rightarrow (3) Dạy học giải quyết vấn đề \Rightarrow (4) Dạy học tự phát hiện \Rightarrow (5) Dạy học dựa trên dự án.

b) Quy trình tổ chức dạy học khám phá

Có rất nhiều quy trình được xây dựng để tổ chức dạy học khám phá: quy trình năm bước của Shulman; quy trình của Tiêu chuẩn Giáo dục Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ hay của Đại học Alberta, Canada... Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu nhận thấy mô hình 5E là mô hình tối ưu nhất khi sử dụng để dạy học khám phá.

Mục đích của mô hình là người học tự hình thành kiến thức qua quá trình trải nghiệm. Mục đích đó hoàn toàn trùng khớp, phù hợp với dạy học khám phá.

Mô hình này gồm 5 giai đoạn, mỗi giai đoạn bắt đầu bằng chữ “E” nên gọi là mô hình 5E: Engage (gắn kết), Explore (khảo sát), Explain (giải thích), Elaborate (áp dụng cụ thể), Evaluation (đánh giá).

2.1.2. Căn cứ từ quan điểm xây dựng Chuyên đề Ngữ văn 2010 (CTNV 2018)

Xét về độ tương tích giữa các YCCĐ của chuyên đề với bản chất của quan điểm DHKP, chúng tôi nhận thấy rằng việc triển khai các phương pháp dạy học cho Chuyên đề Ngữ văn 10 theo quan điểm DHKP là phù hợp:

Bảng 2.1. Sự phù hợp của DHKP với Chuyên đề Ngữ Văn 10

Chuyên đề Ngữ văn 10	Sự phù hợp với quan điểm DHKP
Theo CTNV 2018, “Mỗi năm, HS có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS” (Bộ GD&ĐT, 2018: 4).	Việc vận dụng quan điểm khám phá khiến cho chuyên đề không chỉ là việc học lý thuyết mà còn bao gồm việc áp dụng tri thức vào các tình huống thực tiễn. HS được chọn lựa chuyên đề học tập trong lĩnh vực văn học và ngôn ngữ giúp đáp ứng sở thích và nhu cầu, từ đó tạo điều kiện để các em hứng thú tham gia vào tiến trình khám phá một cách tích cực. Quan điểm dạy học khám phá góp phần xây dựng được mối liên kết giữa kiến thức và thực tiễn cũng như định hướng nghề nghiệp.
Thời lượng giáo dục 35 tiết/ năm. Trung bình 1 chuyên đề có hơn 10 tiết học.	Thời gian dài phù hợp việc giáo viên tổ chức hướng dẫn, định hướng. Dung lượng số tiết cho một chuyên đề đủ dài để HS có đủ thời gian để tìm hiểu và thực hiện khám phá các vấn đề trong chuyên đề.

Xét về nội dung và thời lượng dạy học của chuyên đề qua bảng mô tả trên, chúng tôi thấy việc triển khai quan điểm dạy học khám phá trong dạy học chuyên đề là hoàn toàn phù hợp. Những nội dung trên đòi buộc HS phải có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề có liên hệ với thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh đó, việc phân bổ hơn 10 tiết học cho một chuyên đề không chỉ tạo điều kiện cho HS học tập mà còn HS tham gia vào các dự án dài hạn, tạo điều kiện cho HS áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

2.1.3. Căn cứ từ tình hình thực tế dạy học Chuyên đề Ngữ văn 10

Đối tượng khảo sát: Quý thầy cô tham gia giảng dạy chuyên đề Ngữ văn 10 (CTNV 2018) tại các trường THPT trên địa bàn TP.HCM.

Số phiếu thu được: Chúng tôi thu được tổng cộng 85 số phiếu, tương ứng với 85 GV đang giảng dạy

THPT. Sau khi sàng lọc, nhóm nghiên cứu thu thập được 78 phiếu (trong đó có 62 GV (80%) có tham gia giảng dạy chuyên đề Ngữ văn 10, 16 GV(20%) không tham gia giảng dạy chuyên đề Ngữ văn 10). Nhóm chúng tôi đã tiến hành sàng lọc, phân nhóm, mã hóa và phân tích bằng Excel và phần mềm IBM SPSS Statistic 27.0 (2023). Theo đó, có 35.9% GV đã biết đến và đã vận dụng DHKP, 38.5% GV đã biết đến nhưng chưa vận dụng DHKP, 25.6% GV chưa biết đến DHKP.

Kết quả khảo sát: Dựa trên kết quả khảo sát, nhóm GV tham gia khảo sát chưa chú ý đến mức độ hứng thú của HS khi tham gia học tập. Tham gia học tập tích cực là quá trình tương tác giữa GV và HS nhưng trọng tâm vẫn là về phía HS. Vấn đề dạy học lấy HS làm trung tâm, phát triển PC và NL cần thiết cho thế kỉ 21 chưa nhận được sự quan tâm đúng mực dù đây là một điểm quan trọng trong việc dạy học theo CTNV 2018. Mặt khác, các thầy cô còn gặp khó khăn khi vận dụng các phương pháp dạy học tích cực khi triển khai giảng dạy chuyên đề Ngữ văn 10 (CTNV 2018). Yếu tố chi phối lớn nhất cho vấn đề này chính là năng lực GV (65%).

Kết luận thực trạng: Để đáp ứng được yêu cầu của CTNV 2018, và yêu cầu bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và những kỹ năng cần thiết cho HS, việc lựa chọn sử dụng phương pháp dạy học cần có sự xem xét kỹ lưỡng sao cho phù hợp. Qua khảo sát, chúng tôi đề xuất một số nội dung tác động như sau:

- Thiết kế một số biện pháp dạy học cho chuyên đề Ngữ văn 10 (CTNV 2018) theo quan điểm dạy học khám phá.

- Cần có bộ hướng dẫn GV triển khai các phương pháp dạy học theo quan điểm dạy học khám phá cho chuyên đề Ngữ văn 10 (Chương trình Ngữ văn 2018) nhằm hỗ trợ GV trong việc giảng dạy và hỗ trợ HS học tập tốt hơn.

2.2.Đề xuất

2.2.1.Nguyên tắc đề xuất

Bảng 2.2. Nguyên tắc đề xuất biện pháp dạy học theo quan điểm DHKP

Nguyên tắc	Nội dung
Đáp ứng YCCĐ của Chuyên đề Ngữ văn 10	Các biện pháp đề xuất phải hướng đến việc đạt các mục tiêu đề ra. Bám sát các yêu cầu cần đạt về NL đặc thù trong chuyên đề Ngữ văn 10 và một số NL chung, PC.
Vận dụng quan điểm DHKP	Các biện pháp đề xuất phải có mối liên hệ với quan điểm DHKP, có thể ở những mức độ/ hình thức khác nhau nhưng vẫn đảm bảo quy trình của DHKP.

Đảm bảo tính khả thi, thực tiễn	Các biện pháp đề xuất phải thể hiện được rõ rệt tính hiệu quả với thực trạng chung. Khi áp dụng các biện pháp sẽ mang lại những kết quả rõ rệt, đặc thù so với việc không áp dụng biện pháp. Bên cạnh đó, các biện pháp đề xuất phải xuất phát từ những nhu cầu thực tiễn, có khả năng ứng dụng khiến cho HS hứng thú, tò mò và có thể vận dụng kỹ năng đã học được áp dụng giải quyết các vấn đề thực tế.
Phát huy tính chủ động, sáng tạo	Việc vận dụng quan điểm DHKP sẽ giúp HS tự tìm tòi, khám phá những vấn đề, từ đó, tiếp thu nguồn tri thức và biết cách vận dụng vào thực tế cuộc sống. Vì thế, khi đề xuất các biện pháp cần phát huy được tính chủ động, sáng tạo của HS trong việc tìm tòi, nghiên cứu.
Đảm bảo khả năng kết hợp linh hoạt với các phương pháp và kỹ thuật dạy học	Các biện pháp đề xuất phải có sự kết hợp linh hoạt với các phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm giúp bài học trở nên sinh động, hướng dẫn HS bằng nhiều cách trong quá trình HS khám phá và vận dụng tri thức. Ngoài ra, việc ứng dụng CNTT trong quá trình dạy và học để tăng cường trải nghiệm học tập, đồng thời hỗ trợ linh hoạt trong các hoạt động học cũng là điều hết sức cần thiết.
Đảm bảo đa dạng hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá	Các biện pháp đề xuất phải có phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với định hướng phát triển PC, NL theo chương trình GDPT 2018. Trong đó, phải có nhiều chủ thể đánh giá để kết quả kiểm tra, đánh giá khách quan, mang lại hiệu quả trong đánh giá và trong học tập.

2.2.2. *Triển khai bài dạy Chuyên đề 10.3. “Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hay một tập tiểu thuyết” theo hình thức dạy học dự án*

Đối tượng thực nghiệm: Để đảm bảo cho kết quả thực nghiệm khách quan, tin cậy, nhóm nghiên cứu quyết định chọn lựa lớp thực là lớp 10A9 (44HS) của trường THPT Dương Văn Thị. Bài giảng được thực hiện theo hình thức tổ chức dạy học (dạy học dự án) dựa trên quan điểm dạy học khám phá vào bài dạy Chuyên đề 10.3.

Mô tả tình huống: Lớp học sẽ được chia thành các nhóm nhỏ để tham gia buổi triển lãm với chủ đề “*Đối thoại cùng văn chương*”. Mỗi nhóm HS (4 - 6 HS/nhóm) thực hiện một gian hàng trong buổi triển lãm để giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn. Để có thể có nội dung thuyết trình trong buổi triển lãm, các nhóm phải chọn đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn và viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn đó.

Dự án được thực hiện trong 5 tuần, tích hợp giữa ba phần của chuyên đề (theo SGK), tích hợp giữa việc hỗ trợ, hướng dẫn của giáo viên và việc hoàn thành sản phẩm dự án của HS, cụ thể: phần luyện tập, vận dụng trong các tiết học chuyên đề sẽ là hoạt động

để HS làm ra sản phẩm của dự án. Các tiết hướng dẫn của GV được tính vào trong quá trình thực hiện dự án.

Mỗi nhóm khoảng từ 4 - 6 HS, thực hiện dự án dưới các vai trò: nhóm trưởng, thiết kế, nghiên cứu và viết bài, thuyết trình. Mỗi nhóm cử ra một đại diện để tham gia ban tổ chức buổi triển lãm sản phẩm.

Tiến trình hoạt động: Kế hoạch thực hiện trong 5 tuần của dự án, tích hợp giữa phần hướng dẫn lý thuyết của giáo viên trên lớp và phần thực hiện sản phẩm của HS. Cụ thể như sau:

Bảng 2.3. Hệ thống công việc của GV và HS trong dự án

Tuần	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1	- Phổ biến kế hoạch dự án, hướng dẫn HS chia nhóm, phân công nhiệm vụ, xây dựng thang tiêu chí đánh giá sản phẩm. - Công bố rubric với HS, hướng dẫn HS căn cứ vào rubric để thực hiện sản phẩm. - Dạy Phần 1 của chuyên đề. - Góp ý, hướng dẫn HS chọn một tập thơ, một tập truyện ngắn để tham gia dự án.	- Chia nhóm, phân công nhiệm vụ, tham gia xây dựng thang tiêu chí đánh giá sản phẩm. - Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án. - Tham gia buổi học Phần 1 của chuyên đề, lựa chọn một tập thơ, một tập truyện ngắn để thực hiện hồ sơ đọc.
2	- Dạy Phần 1 của chuyên đề (tt). - Phân hồi, góp ý về hồ sơ đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn của nhóm HS.	- Nhóm HS chia sẻ sản phẩm hồ sơ đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn. - Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn sau khi được giáo viên và các bạn góp ý, chỉnh sửa.
3	- Dạy phần 2 của chuyên đề, hướng dẫn HS quy trình viết và cách sử dụng hồ sơ đọc (đã thực hiện) để viết bài giới thiệu.	- HS tiến hành viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn, sử dụng rubric để tự điều chỉnh, hoàn thiện bài viết.
4	- Dạy phần 3 của chuyên đề, hướng dẫn HS chuyển hoá bài viết đã thực hiện thành bài thuyết trình. - Hợp ban tổ chức buổi triển lãm, phân công, lên kế hoạch tổ chức buổi triển lãm.	- Các nhóm tiến hành thiết kế gian hàng triển lãm, chuyển hoá nội dung bài viết thành bài thuyết trình. - Ban tổ chức chuẩn bị các phần việc cần thiết cho buổi triển lãm.
5	- Tổ chức buổi triển lãm, trình bày và công bố các sản phẩm. - Thực hiện buổi góp ý, rút kinh nghiệm sau khi thực hiện dự án.	

Kết quả thử nghiệm: Để có những đánh giá chính xác về hiệu quả của việc ứng dụng DHKP vào quá trình giảng dạy, chúng tôi đã khảo sát kết quả học tập môn Văn của HS, ý kiến của HS, ý kiến của GV.

Kết quả học tập được so sánh trên cùng một đối tượng, qua học kì 1 (khi chưa vận dụng DHKP) và học kì 2 (khi đã vận dụng DHKP), cụ thể là:

Bảng 2.4. Xếp loại học lực của lớp 10A9 môn Ngữ văn dựa trên bài kiểm tra Chuyên đề 10.1 (HK1) và Chuyên đề 10.3 (HK2)

Xếp loại	Tỉ lệ	
	Học kì 1	Học kì 2
Yếu	0% (0/44)	0% (0/44)
Trung bình	11.4% (5/44)	0% (0/44)
Khá	34.1% (15/44)	38.6% (17/44)
Giỏi	54.5% (23/44)	61.4% (26/44)

Có thể thấy điểm trung bình của những HS có sự thay đổi rõ rệt sau khi GV áp dụng DHKP vào quá trình dạy học Chuyên đề Ngữ văn 10: không có HS trung bình, tỉ lệ HS khá và giỏi đều tăng đáng kể. Chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn tình hình thực tế dạy học sau khi áp dụng DHKP dựa trên 3 phương diện (về mặt phương pháp, về mặt người dạy và về mặt người học) và thu được kết quả như sau:

- Về mặt phương pháp, GV nhận định dạy học dự án là “một phương pháp tích cực, tăng cường và phát huy tính chủ động sáng tạo của HS. Bên cạnh việc tiếp thu kiến thức sách vở, các em HS còn tự trang bị được cho mình những kỹ năng mềm như quản lý nhóm, tìm kiếm tư liệu, thiết kế đồ họa... Đây là những kỹ năng cần thiết cho tương lai”. Như vậy, đây là một dấu hiệu tích cực cho thấy DHKP phù hợp trong việc phát triển năng lực cho HS.

- Về mặt người dạy, GV nhận định rằng “HS đã biết cách chọn lựa tập thơ, tập truyện ngắn và ghi chép phiếu đọc, mỗi HS được một tác phẩm, nghiên cứu sâu hơn và HS hứng thú học hơn so với HK1”. Kết quả thu được giáo viên nhận thấy rằng HS đã biết cách chọn lựa tập thơ và tập truyện ngắn, cũng như làm ghi chú về nội dung của tác phẩm. Mỗi HS được giao một tác phẩm để nghiên cứu sâu hơn, điều này có thể tạo điều kiện cho việc học tập cá nhân hóa và khám phá sâu hơn về từng tác phẩm. Ngoài ra, GV cũng tự nhận thấy rằng HS đã có bước tiến triển khá tốt, hứng thú trong việc tìm kiếm và chọn lựa tác phẩm cho dự án. Từ đây có thể chứng tỏ dự án đã gây ra sự quan tâm và hứng thú đầu tiên trong HS.

- Về mặt người học, nhiều em HS cho rằng học tập thông qua dự án sẽ “phát huy khả năng làm việc nhóm và khả năng tìm tòi, tra cứu thông tin, mang cho em những kiến thức vô tận có thể áp dụng cho chương trình học và còn giúp em kiểm tra những phần kiến thức chi tiết bị hổng”. Kết quả thu được từ các em HS đưa ra cảm nhận về ý nghĩa và thiết thực của dự án; về sự hứng thú và sự đầu tư vào dự án; trau dồi kiến thức và ôn lại bài học. Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy sự hứng thú và đánh giá cao về ý nghĩa, tính thiết thực, hiệu quả của việc tham gia vào dự án. Dự án “Đối thoại cùng Văn chương” đã

tạo ra một môi trường học tập đa dạng và thú vị cho người tham gia.

Như vậy, từ kết quả học tập và từ những ý kiến đánh giá của GV và HS, có thể nhận định rằng DHKP là một quan điểm dạy học tích cực, phù hợp trong việc dạy học Chuyên đề Ngữ văn 10. Trong tương lai, chúng tôi sẽ mở rộng thử nghiệm và bổ sung thêm kho học liệu mở trực tuyến để tạo ra cộng đồng chia sẻ học thuật, giúp HS tiếp cận được với nguồn tài liệu phong phú mà còn khuyến khích các em tự khám phá và tìm hiểu

3. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy quan điểm DHKP có nhiều điểm tích cực. DHKP sẽ đặt người học làm trung tâm của quá trình học tập. Người học chủ động trong việc tìm kiếm tri thức, áp dụng tri thức đã học vào các vấn đề thực tiễn đời sống, đồng thời, phát triển tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác, tính tích cực, tự học,... của bản thân HS.

Quan điểm DHKP hoàn toàn phù hợp với việc dạy và học theo chương trình GDPT 2018 nói chung và nội dung chuyên đề Ngữ văn 10 nói riêng. Việc dạy học chuyên đề Ngữ văn 10 theo quan điểm DHKP không những đáp ứng được những mục tiêu đổi mới của giáo dục mà còn tăng sự hứng thú, ham học hỏi, học cùng nhau của HS. Bên cạnh đó, DHKP phù hợp với tiến trình dạy học của Bộ đề ra. Quy trình dạy học theo quan điểm dạy học khám phá gồm 5 hoạt động: gắn kết, khảo sát, giải thích, áp dụng cụ thể, đánh giá. Những hoạt động này hoàn toàn tương thích với 4 hoạt động dạy học (mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng) theo CV 5512. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi thiết kế hai kế hoạch bài dạy chuyên đề 10.1 và 10.3 theo quan điểm dạy học khám phá, đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình GDPT – Chương trình tổng thể*. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình GDPT – Chương trình Ngữ văn*. Hà Nội.
3. Phó Đức Hoà. (2011). *Các dạng khám phá theo thuyết kiến tạo trong dạy học tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, 270, 28-30.
4. Alberta. (2004). *Focus on Inquiry: a teacher's guide to implementing inquiry-based learning*. Canada: Alberta learning.
5. Bicknell-Holmes, T. & Hoffman, P. S. (2000). *Elicit, engage, experience, explore: Discovery learning in library instruction*. Lincoln: University of Nebraska - Lincoln, 28(4), 313-322.